

Soạn Ngữ văn lớp 6 VNEN Bài 24: Hoạt động khởi động

Câu 1 (trang 64 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN).

Đọc 2 đoạn văn về quần đảo Cô Tô sau đây:

(1) Hãy cho biết sự khác nhau về cách viết trong hai đoạn văn trên.

(2) Đoạn văn của Nguyễn Tuân cho thấy tình cảm của tác giả đối với Cô Tô như thế nào?

Trả lời:

(1) Sự khác nhau về cách viết trong 2 đoạn:

Đoạn 1: Cô Tô được tả chỉ bằng những câu văn tự sự.

Đoạn 2: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

(2) Phải là một người yêu thiên nhiên, yêu Tô Cô lắm thì tác giả mới có cái nhìn và cảm nhận về Tô Cô chân thực và đẹp đến vậy.

Soạn Văn lớp 6 VNEN Bài 24: Hoạt động hình thành kiến thức

Câu 1 (trang 65, 66, 67 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Đọc văn bản sau: *Cô Tô*

Câu 2 (trang 67, 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Tìm hiểu văn bản

Câu a (trang 67 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Văn bản *Cô Tô* được chia làm ba đoạn. Đọc lướt văn bản, nối nội dung tương ứng giữa cột A và cột B để hiểu ý chính mỗi đoạn:

A	B
Đoạn 1: từ đầu đến “theo mùa sóng ở đây.”	Cảnh sinh hoạt và lao động của những người dân chài trên đảo vào buổi sáng sớm quanh chiếc giếng nước ngọt ở rìa đảo.
Đoạn 2: từ “Mặt trời lại rọi” đến “là là nhịp cánh”	Toàn cảnh Cô Tô với vẻ đẹp trong sáng sau khi trận bão đã đi qua.
Đoạn 3: từ “Khi mặt trời đã lên” đến hết.	Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô

Trả lời:

Đoạn 1 (...): Toàn cảnh vẻ đẹp Cô Tô sau trận bão.

Đoạn 2 (...): Cảnh mặt trời mọc trên Cô Tô.

Đoạn 3 (...): Cảnh sinh hoạt và lao động của dân chài trên đảo vào sáng sớm quanh chiếc giếng nước ngọt ở rìa đảo.

Câu b (trang 67 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Đọc kĩ văn bản *Cô Tô*, hoàn thành *Phiếu học tập* sau:

Đoạn 1	Các từ ngữ chỉ hình ảnh: ...
	Các từ ngữ chỉ màu sắc và ánh sáng: ...
Đoạn 2	Các từ ngữ chỉ hình ảnh: ...
	Các từ ngữ chỉ hình dáng và màu sắc: ...
	Các phép tu từ được sử dụng: ...
Đoạn 3	Các chi tiết: ...
	Các hình ảnh: ...
	Các phép tu từ được sử dụng: ...

Trả lời:

Đoạn 1	Các từ ngữ chỉ hình ảnh: ngày trong trẻo, sáng sủa, cây... xanh mượt, nước biển lam biếc đậm đà, cát vàng giòn, lưới nặng mẻ cá giã đôi,...
	Các từ ngữ chỉ màu sắc và ánh sáng: trong trẻo, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn.
Đoạn 2	Các từ ngữ chỉ hình ảnh: chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi, lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn, quả trứng hồng hào thăm thẳm, một mâm bệ đường kính mâm rộng bằng cả một chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng, mâm lễ phẩm
	Các từ ngữ chỉ hình dáng và màu sắc: tròn trĩnh, màu ngọc trai ửng hồng, sáng dần lên chất bạc nén,...
	Các phép tu từ được sử dụng: so sánh
Đoạn 3	Các chi tiết: Quanh giếng nước ngọt: vui nhộn như một cái bến và đậm đà mát nhẹ, chỗ bãi đá: bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sập..., thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về.
	Các hình ảnh: giếng nước, bãi đá, đoàn thuyền ra khơi, anh hùng Châu Hòa Mãn, chị Châu Hòa Mãn bế con.

Các phép tu từ được sử dụng: so sánh

Câu c (trang 67, 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Hãy nhận xét về ngôn ngữ miêu tả của Nguyễn Tuân trong văn bản ở các khía cạnh sau:

(1) Nhà văn thường sử dụng các từ loại nào? Tác dụng của việc sử dụng các từ loại đó là gì?

(2) Phép tu từ nào được tác giả sử dụng nhiều nhất để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh? Ghi lại một số câu văn có sử dụng phép tu từ ấy và nêu tác dụng của nó.

(3) Thử rút ra đặc điểm câu văn của Nguyễn Tuân.

Trả lời:

(1) - Nhà văn thường sử dụng từ loại: Tính từ

- Tác dụng: Tính từ kết hợp điểm nhìn trên cao tạo hình dung bao quát và cảm nhận vẻ đẹp tươi sáng toàn cảnh Cô Tô.

(2) – So sánh được sử dụng nhiều nhất (vd: chân trời, ngần bề sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi, tròn trĩnh phức hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn,...)

- Tác dụng: Từ ngữ chọn lọc, hình ảnh so sánh rục rờ, tráng lệ thể hiện được tài quan sát miêu tả tinh tế của tác giả, cảnh mặt trời mọc như khung cảnh lớn bao la, niềm tin hân hoan giữa sự giao hòa con người

- vũ trụ.

(3) Đặc điểm các câu văn của Nguyễn Tuân: kết hợp so sánh, nhân hóa, hoán dụ, ẩn dụ và các từ láy đặc tả khiến câu văn hay, ngắn gọn, súc tích; ngôn từ trong sáng, giàu hình ảnh, đậm chất văn học.

Câu d (trang 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Nhận xét về cảnh được miêu tả trong từng đoạn của văn bản. (Ở mỗi đoạn, cần chỉ rõ: Nhà văn đứng ở vị trí nào để tả cảnh? Cảnh có đặc điểm gì? Cảnh được miêu tả theo trình tự như thế nào?)

Trả lời:

	Đoạn 1	Đoạn 2	Đoạn 3
Vị trí quan	trên cao nhìn xuống	đầu mũi đảo	ở giếng nước ngọt đảo Thanh Luân

sát			
Đặc điểm cảnh vật	Khung cảnh Cô Tô trong sáng, tinh khôi	Bức tranh tuyệt đẹp, rực rỡ, tráng lệ	Cảnh sinh hoạt và lao động vừa khẩn trương, tấp nập vừa thanh bình
Trình tự miêu tả	khái quát đến cụ thể, trình tự không gian	khái quát đến cụ thể, trình tự không gian	xa đến gần, trình tự không gian.
Nhận xét chung	Đoạn văn hình dung và cảm nhận về vẻ đẹp tươi sáng toàn cảnh Cô Tô.	Cảnh mặt trời mọc ở Cô Tô rộng lớn bao la, đó cũng là niềm giao cảm hân hoan giữa con người và vũ trụ.	Sự đan quện trong cảm xúc giữa cảnh và người, đặc sắc tình yêu Cô Tô của riêng Nguyễn Tuân - "người đi tìm cái đẹp" toàn bích và hài hoà.

Câu e (trang 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Hoàn thành sơ đồ sau để tìm hiểu cảm xúc của tác giả.



Trả lời:

- Cảm xúc chủ đạo của tác giả: tình cảm yêu mến với thiên nhiên, mảnh đất Cô Tô và con người, đó cũng thể hiện niềm tự hào về vẻ đẹp quê hương đất nước.

- Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong đoạn 1: yêu mến hòn đảo như chính những người dân nơi đây.

- Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong đoạn 2: sự tò mò, say mê trước cảnh đẹp thiên nhiên, tình yêu quê hương đất nước.

- Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong đoạn 3: thân thiết khi hòa cùng cuộc sống của người dân nơi đây.

Câu g (trang 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). *Cô Tô* của Nguyễn Tuân là một bài kí hiện đại. Từ việc trả lời các câu hỏi ở mục b), c), d), e) hãy cho biết đặc điểm của thể kí bằng việc chọn các phương án trả lời đúng:

- A. Ghi lại một cảnh vật mà nhà văn mắt tai nghe, thường trong các chuyến đi.
- B. Sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hoang đường để làm tăng sức dẫn của tác phẩm.
- C. Biểu hiện khá trực tiếp cảm xúc, suy nghĩ của tác giả.
- D. Kết hợp linh hoạt các phương thức miêu tả, tự sự, biểu cảm.
- E. Khuyên nhủ, răn dạy con người về một bài học nào đó trong cuộc sống.

Trả lời:

Chọn A, C, D

Câu h (trang 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Văn bản *Cô Tô* của Nguyễn Tuân mang đến cho em những hiểu biết và cảm xúc gì?

Trả lời:

Cô Tô cho ta thấy một vùng biển đảo với thiên nhiên và con người hài hòa thật đẹp. Cô Tô – vùng đất trong sáng, tươi đẹp. Ngôn từ tác giả điêu luyện và tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh cảm xúc với các biện pháp tu từ khiến Cô Tô trong lòng Nguyễn Tuân trải trên trang giấy thật hiền hòa, tráng lệ, rộng lớn, tấp nập và cũng thanh bình.

Câu 3 (trang 68, 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Tìm hiểu về các thành phần chính của câu.

Câu a (trang 68 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Nhắc lại tên các thành phần của câu mà em đã đọc ở cấp Tiểu học.

Trả lời:

Tên các thành phần chính của câu đã học ở Tiểu học:

- Chủ ngữ
- Vị ngữ
- Trạng ngữ.

Câu b (trang 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Tìm các thành phần câu trong câu sau:

Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho mười tám thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng.

Trả lời:

- Trạng ngữ: *Sau trận bão*
- Chủ ngữ: *hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu*
- Vị ngữ: *cho mười tám thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng.*

Câu c (trang 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Thử lần lượt bỏ từng phần câu trong câu trên rồi rút ra nhận xét:

(1) Những thành phần nào bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn (nghĩa là có thể hiểu đầy đủ mà không cần gắn với hoàn cảnh nói năng)?

(2) Những thành phần nào không bắt buộc phải có mặt trong câu? Vì sao?

Trả lời:

(1) Những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu hoàn chỉnh: chủ ngữ và vị ngữ.

(2) Thành phần không bắt buộc phải có mặt trong câu: trạng ngữ. Khi bỏ thành phần trạng ngữ trong câu, nội dung chính của câu không đổi.

Câu d (trang 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). *Vị ngữ* là thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời cho các câu hỏi *Làm gì?, Làm sao?, Như thế nào?,* hoặc *Là gì?* Vị ngữ thường là động từ hoặc cụm động từ, tính từ, hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ. Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

Phân tích cấu tạo của vị ngữ trong các câu sau bằng cách trả lời các câu hỏi: Vị ngữ là từ hay cụm từ? Vị ngữ thuộc từ loại hay cụm từ loại nào? Mỗi câu có mấy vị ngữ? Vị ngữ trong câu trả lời cho câu hỏi nào?

(1) *Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.*

(Tô Hoài)

(2) *Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.*

(Đoàn Giỏi)

(3) *Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.*

(Nguyễn Tuân)

Trả lời:

(1) Vị ngữ: *ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.* (Vị ngữ là cụm từ, có 2 vị ngữ đều là cụm động từ. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi *Ai làm gì?*)

(2) Vị ngữ: *nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.* (Vị ngữ là cụm từ, có 1 vị ngữ và là cụm tính từ. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi *Như thế nào?*)

(3) Vị ngữ: *sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.* (Vị ngữ là cụm từ, có 1 vị ngữ là cụm tính từ. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi *Như thế nào?*)

Câu e (trang 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). *Chủ ngữ* là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái,... được miêu tả ở vị ngữ. Chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi *Ai? Con gì? Hoặc Cái gì?*. Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ. Trong những trường hợp nhất định, động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.

Dựa vào những gợi ý trên hãy cho biết: Trong ba câu văn nêu ở mục d), chủ ngữ của mỗi câu trả lời cho câu hỏi nào? Chủ ngữ có thể được cấu tạo bằng từ loại nào?

Trả lời:

Trong ba câu văn nêu ở mục d), chủ ngữ của mỗi câu trả lời cho câu hỏi:

- a) Một buổi chiều, ai ra đứng cửa hàng như mọi khi, xem hoàng hôn xuống?
- b) Nơi đâu nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập?
- c) Sau trận bão, cái gì sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi?

Chủ ngữ có thể được cấu tạo bằng đại từ (tôi), danh từ, cụm danh từ (Chợ Năm Căn, chân trời, ngân bễ).

Soạn VNEN Văn 6 Bài 24: Hoạt động luyện tập

Câu 1 (trang 69 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Xác định và phân tích cấu tạo của chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau:

Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho mười tám thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mẫn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền

(Nguyễn Tuân, Cô Tô)

Trả lời:

Chủ ngữ	Vị ngữ
Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã	đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào.
Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu	cho mười tám thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mẫn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền
Anh	quẩy nước bên bờ giếng

Câu 2. a (trang 70 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Dựa vào văn bản *Cô Tô*, tự đặt ba câu văn theo yêu cầu sau:

- Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Làm gì?* *Cô Tô* Để kể lại một hoặc một số việc nhân vật “tôi” đã làm.
- Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Như thế nào?* để tả mặt trời.
- Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Là gì?* để giới thiệu nhân vật Châu Hòa Mãn.

Trả lời:

- Sáng nay, tôi cùng bố chạy bộ ở công viên.
- Mặt trời lặn ban chiều trên cánh đồng như viên ngọc đỏ lựng ném sau ngọn núi.
- Châu Hòa Mãn là anh hùng vùng đảo Cô Tô.

Câu b (trang 70 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Gạch dưới chủ ngữ trong những câu em vừa đặt. Cho biết chủ ngữ ấy trả lời cho những câu hỏi nào. Phân tích cấu tạo của các chủ ngữ ấy.

Trả lời:

- Sáng nay, **tôi cùng bố** chạy bộ ở công viên. => Chủ ngữ là đại từ.
- **Mặt trời** lặn ban chiều trên cánh đồng như viên ngọc đỏ lựng ném sau ngọn núi => Chủ ngữ là danh từ.
- **Châu Hòa Mãn** là anh hùng vùng đảo Cô Tô => Chủ ngữ là danh từ riêng.

Câu 3 (trang 70 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Trong bài *Cô Tô*, Nguyễn Tuân có đoạn viết về anh hùng Châu Hòa Mãn như sau:

" Anh hùng Châu Hòa Mãn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền.....Vo gào bằng nước bẻ thoi."

Dựa vào nội dung trên, viết đoạn văn (khoảng 12- 15 dòng) tả anh hùng Châu Hòa Mãn bằng lời văn của em. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một phép so sánh. Chia sẻ bài viết của em với các bạn.

Trả lời:

Con người Cô Tô đẹp và hiền hậu, sống chan hòa với thiên nhiên. Dân chài lao động khó khăn. Châu Hòa Mãn là một anh hùng đảo Cô Tô. Anh cũng là đại diện cho người dân nơi biển đảo chân chất, chịu khó và kiên cường. Vốn là một thanh niên khỏe mạnh, Châu Hòa Mãn mang dáng dấp những bắp thịt cuộn cuộn, cường tráng. Giọng nói trầm ấm cùng tác phong hòa nhã, thân thiện nên trông anh càng dễ mến. Như nhiều người dân khác, ngày ngày anh ra khơi. Là người đàn ông của gia đình, có hôm được mẻ cá lớn, anh về nhà sớm để vợ chồng cùng ăn. Nhưng cuộc sống và những chuyến ra khơi cũng là gia đình của anh, có hôm anh đi tận mười ngày. Những ngư dân biết lo xa, Hòa Mãn đã lo tính cho nước ngọt vào sạp để dành uống chứ không được vo gạo nấu cơm". Châu Hòa Mãn là đại diện cho những người dân nghèo, chất phác. Họ luôn phải đối mặt với những nguy hiểm gian khó ngoài biển khơi. Họ là những anh hùng lao động đáng khâm phục.

Câu 4 (trang 70 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Cho các đề văn sau:

- a. Tả một người thân yêu và gần gũi nhất với em.
- b. Tả lại hình ảnh bố hoặc mẹ em trong các tình huống sau:
 - Lúc em ốm.
 - Khi em mắc lỗi
 - Khi em làm được một việc tốt.
- c. Tả lại hình ảnh thầy, cô giáo đang giảng bài.

Chọn một trong các đề văn trên, lập dàn ý và viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

Trả lời:

Chọn đề a: Tả một người thân yêu và gần gũi nhất với em.

Mở bài: Giới thiệu gia đình em và người gần gũi với em nhất: Bố.

Thân bài:

- Ngoại hình của bố: dáng cao dong, tóc hơi xoăn, vẻ không được người ngoài đánh giá là đẹp trai nhưng mẹ lúc nào cũng khen bố đẹp trai hài hước.

- Tính cách của bố: vô cùng hài hước (dẫn chứng), chiều chuộng em, hay bị em bắt nạt. Bố trong công việc luôn rất nghiêm túc.

- Vị trí của bố trong gia đình: tuy là người đàn ông bản lĩnh khi ở Công ty, nhưng ở nhà, bố là người đàn ông quyền lực sau mẹ, và đôi khi là sau các con.
- Các thành viên trong gia đình dù đôi lúc trêu chọc nhưng luôn yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

Kết bài: Cảm nghĩ của em về bố.

Soạn VNEN Ngữ văn 6 Bài 24: Hoạt động vận dụng

Câu 1 (trang 70 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Xem bản đồ nước ta và trao đổi với người thân về chủ đề biển đảo Tổ Quốc:

- Hãy cho biết, biển và đảo có vai trò gì đối với kinh tế và giao thông biển, an ninh quốc phòng?
- Là học sinh, em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc?

Trả lời:

- Vai trò của biển và đảo:
 - + Với kinh tế: nơi giao thương buôn bán, nguồn cung cấp thủy hải sản lớn cho người dân và xuất khẩu, tiềm năng du lịch.
 - + Với giao thông biển: đường nối giao thông quốc tế quan trọng.
- Với an ninh quốc phòng: tăng chiều sâu phòng thủ đất nước ra hướng biển.
- Là học sinh chúng em cần có ý thức học tập, nghiên cứu, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

Câu 2 (trang 70, 71 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Giả sử trong kì nghỉ hè, gia đình em và một số gia đình khác cùng tổ chức một chuyến du lịch biển. Hãy lên kế hoạch cho chuyến đi theo gợi ý sau:

- Vùng biển mà gia đình em và một số gia đình khác định đến thuộc địa phương nào? Vùng biển ấy có những đặc điểm gì nổi bật?
- Mọi người đến vùng biển đó bằng phương tiện gì?

- Mọi người đến vùng biển đó trong bao lâu? Nơi ở trong thời gian nghỉ tại vùng biển đó.
- Lịch trình của những ngày du lịch ở vùng biển đó như thế nào? Em dự định làm gì sau khi kết thúc chuyến đi ấy?

Trả lời:

- Điểm tới của chuyến đi: vùng biển Nha Trang. Đó là một vùng biển xanh mát, tươi đẹp vô cùng, khí hậu ôn hòa.
- Phương tiện di chuyển: từ Hà Nội mua vé đi tàu hỏa vào Nha Trang.
- Chuyến đi kéo dài 3 ngày 2 đêm, được bạn cùng Công ty của bố dẫn đi nên được hướng dẫn tận tình.
- Lịch trình: Vịnh Ninh Vân (đậm nét hoang sơ), Viện Hải dương học, tháp Bà Ponagar, bãi biển Đại Lãnh, chợ Đầm...

Câu 3* (trang 71 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Đọc văn bản *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), em có cảm xúc và suy nghĩ gì về biển đảo Việt Nam.

Trả lời:

Đọc *Cô Tô*, em thấy biển đảo Việt Nam thật xinh đẹp, thiên nhiên đa sắc màu. Con người và thiên nhiên chung sống hài hòa. Những dải cát trắng, những vùng biển mênh mông, những hòn đảo xinh tươi... đó là những tiềm năng du lịch rất lớn đối với kinh tế Việt Nam. Biển đảo không chỉ là tiềm lực kinh tế mà còn đóng vị trí củng cố quốc phòng an ninh của quốc gia dân tộc.

Soạn Văn VNEN 6 Bài 24: Hoạt động tìm tòi mở rộng

Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Sưu tầm một số bài/đoạn văn tả người, trong đó có sử dụng phép so sánh, nhân hóa để tham khảo.

Trả lời:

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo...

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn 6 tập 2 VNEN). Tìm thêm các tư liệu từ sách báo, mạng In- ter- net,... nói về quần đảo Cô Tô để hiểu thêm về vùng biển này.

Trả lời:

- Cô Tô là quần đảo phía đông của đảo Vân Đồn (Quảng Ninh). Cô Tô có khoảng hơn 50 đảo lớn nhỏ.
- Địa hình đồi núi thấp, ít sông suối.
- Các địa điểm du lịch nổi tiếng: Khu Di tích lưu niệm Hồ Chủ tịch trên đảo Cô Tô, bãi đá Cầu My, ngọn Hải Đăng, con đường tình yêu, bãi biển Vàn Cháy, khu công viên Cô Tô Park...